

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị
(khóa XIII) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm
quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*gọi tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ, đúng đắn và triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 23-NQ/TW; tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh để sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, tạo sự đổi mới, phát triển nhanh, bền vững vùng Tây Nguyên và tỉnh Lâm Đồng.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và Nhân dân để tạo thành khối đại đoàn kết thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 23-NQ/TW.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu, ý chí vươn lên, tự lực, tự cường trong thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

- Huy động tối đa các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, kết hợp nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển các công trình trọng điểm có sức lan tỏa, giải quyết các vấn đề phát triển vùng và liên vùng; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

Tỉnh Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; là khu vực kinh tế động lực của

Tiểu vùng Nam Tây Nguyên trên cơ sở liên kết vùng, nội vùng. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; là trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao tầm quốc gia và quốc tế. Phát triển ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, duy trì ổn định. Tăng cường xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết các dân tộc.

2. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7,5 - 8,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 135 triệu đồng, tương đương 5.100 USD; tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 32,06% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 24,66%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 43,28%. Tỷ lệ đô thị hoá đạt khoảng 58,8%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%, trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên 50%, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 20 - 25%.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 7,5 - 8,5%. Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32,1%. Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều từ 1,0 - 1,5%/năm; trong đó, vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2,5 - 3,0%. Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn quốc gia. Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ trên 10.000 dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 55%. Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 95 - 100%, ở nông thôn đạt 98%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Đạt 97% tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định. Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, hội viên và Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc đưa Nghị quyết 23-NQ/TW vào cuộc sống

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền đầy đủ, đúng đắn, sâu

sắc Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân toàn tỉnh nhằm tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

- Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 23-NQ/TW phải phù hợp, thiết thực và hiệu quả; tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, tiềm năng, vị thế của tỉnh Lâm Đồng nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung.

- Khai thác tối đa các điều kiện thuận lợi để phát triển tỉnh Lâm Đồng nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và là động lực tăng trưởng của vùng Tây Nguyên.

2. Phát triển kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng toàn diện, bền vững; lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao. Không gian phát triển kinh tế của tỉnh gắn với vùng Đông Nam bộ theo hành lang tuyến quốc lộ 20 và tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; trong đó:

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về “*nông nghiệp, nông dân, nông thôn*” đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh. Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp thông minh, là trung tâm nghiên cứu, sản xuất công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế; phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao, có chỉ dẫn địa lý như: Rau, hoa, trà, cà phê, cây ăn quả (*sầu riêng, bơ, măng cụt, chuối Laba, bưởi da xanh, chanh dây, hồng, điều*),...

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm đặc thù của địa phương như: Các loại dược liệu, hồng, dâu tây, hoa trang trí để phục vụ nhu cầu trong nước gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo quy mô công nghiệp, chăn nuôi khép kín, ứng dụng công nghệ cao; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi trang trại quy mô lớn, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, môi trường. Phát triển thủy sản, cá nước lạnh có giá trị kinh tế cao.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, bảo vệ và phát triển hiệu quả diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng được tạo mới; tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ sung làm giàu rừng; cải tạo trồng rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng. Nâng cao đời sống của người làm nghề rừng, ổn định dân cư và tạo việc làm tại chỗ cho người dân gắn bó với địa phương. Có chính sách phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ các-bon; tổ chức triển khai hiệu quả việc cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch, nuôi trồng, phát triển cây dược liệu và các

loại lâm sản ngoài gỗ, tạo việc làm cho người dân, tăng nguồn thu nhằm tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- Triển khai các giải pháp bảo tồn vùng được liệt kê tại Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà, Vườn quốc gia Cát Tiên, các khu rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phát triển công nghiệp theo hướng chọn lọc, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp thân thiện với môi trường, tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến được liệt kê, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, nhôm, nhôm và các sản phẩm từ nhôm.

- Duy trì, phát triển ổn định, bền vững thủy điện; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển công nghiệp và liên kết hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm chế biến, chế tạo của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, ngành công nghiệp của tỉnh phát triển hiện đại, có tính chuyên môn hoá và cạnh tranh cao.

2.3. Lĩnh vực dịch vụ

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng, bền vững và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Xây dựng ngành du lịch Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng chất lượng cao và bền vững, trong đó: Xây dựng, phát triển thành phố Đà Lạt trở thành đô thị du lịch chất lượng cao, hiện đại, đẳng cấp quốc tế; khai thác hiệu quả các tiềm năng về khí hậu, cảnh quan tự nhiên, văn hóa, lịch sử và di sản kiến trúc tầm quốc gia, khu vực và có ý nghĩa quốc tế; phát triển du lịch gắn với Cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế số và công nghệ thông tin truyền thông (ICT) trong việc bảo vệ, khai thác các nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

- Phát triển hệ thống logistics thông minh và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hoá cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, văn minh, đa dạng về loại hình và phương thức phục vụ, tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế; đảm bảo cung ứng kịp thời các mặt hàng thiết yếu, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu hàng hóa tỉnh Lâm Đồng. Tăng tỷ trọng hàng hóa chế biến sâu trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

- Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn vào sản xuất. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền

số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hoá của vùng nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng; có không gian xanh, cảnh quan đặc trưng, kết cấu hạ tầng hiện đại, thông minh và thân thiện với môi trường. Thúc đẩy liên kết đô thị, chú trọng hình thành các đô thị hỗ trợ các chức năng phát triển với đô thị trung tâm, tỉnh Lâm Đồng có 02 vùng đô thị tương ứng với 02 khu vực có vai trò động lực chính, đó là: (1) Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận; (2) Thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận. Ưu tiên bố trí nguồn lực để ổn định các điểm dân cư đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với tập quán sinh hoạt, sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

3.1. Phát triển văn hóa - xã hội

- Thực hiện hiệu quả nghị quyết, chương trình về phát triển văn hóa. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên; khai thác hiệu quả lợi thế, giá trị bản sắc văn hóa để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển mạnh các phong trào thể thao quần chúng, góp phần nâng cao thể trạng của Nhân dân. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh, xóa bỏ tập tục lạc hậu.

- Bảo vệ, nuôi dưỡng và phát triển các giá trị, nhân cách con người trong thời kỳ mới. Phát triển toàn diện con người về thể chất, đạo đức, phẩm chất, năng lực, thẩm mỹ, kỹ năng sống. Xây dựng bản sắc văn hóa của người dân Lâm Đồng “*Thủy chung, cần cù, sáng tạo*”.

- Xây dựng văn hóa trong Đảng, văn hóa lãnh đạo, quản lý, văn hóa công sở và văn hóa giao tiếp trong Nhân dân; xây dựng chuẩn mực văn hóa gia đình trong thời kỳ mới. Tăng cường xây dựng văn hóa doanh nhân, doanh nghiệp, triển khai có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch, làm cho văn hóa trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp trong hoạt động kinh tế.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tạo bước chuyển biến thật sự rõ nét, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo, tuyển dụng, sử dụng nhân tài.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, trong đó, chú trọng phát triển và sử dụng nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của địa phương. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số.

- Thực hiện hiệu quả nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp và phương thức giáo dục - đào tạo, phát triển con người toàn diện; chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu quê hương, đất nước, khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương Lâm Đồng phát

triển nhanh, toàn diện và bền vững.

- Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành, theo chuẩn quốc tế.

3.3. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tổ chức sắp xếp hệ thống y tế công, đặc biệt là y tế cơ sở, tạo ra mô hình hợp lý và ổn định, phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Đẩy mạnh đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao ý thức của đội ngũ y, bác sỹ, dược sỹ; xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường; đầu tư phát triển các kỹ thuật cao, tiên tiến, để người dân tin tưởng vào chất lượng dịch vụ tuyến dưới, hạn chế quá tải ở tuyến trên. Mở rộng xây dựng hồ sơ sức khỏe cho toàn dân, hình thành, phát triển mô hình bác sỹ gia đình. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện; nâng cao năng lực phòng, chống dịch, bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp Dược.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

4.1. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Hạ tầng giao thông:

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với vùng Đông Nam bộ theo hành lang tuyến Quốc lộ 20 và các tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; đảm bảo phù hợp với các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Tây Nguyên để phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh đặc thù, riêng biệt của tỉnh so với các địa phương khác.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong việc huy động, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư các dự án giao thông trọng điểm, có tính chất kết nối liên vùng như: Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, các tuyến Quốc lộ 27 (đoạn K'Rông Nô - Phi Nôm), 55, 27C, ... khôi phục tuyến đường sắt Phan Rang, Tháp Chàm - Đà Lạt, cải tạo, nâng cấp ga Đà Lạt. Phấn đấu đến năm 2026, đầu tư hoàn thành giai đoạn 01 đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến quốc lộ 28B, đèo Mimosa và các cầu trên tuyến Quốc lộ 20, đường Trường Sơn Đông; triển khai đầu tư, nâng cấp mở rộng các tuyến Quốc lộ 27, 55, 27C; hoàn thành nâng cấp các tuyến đường tỉnh ĐT.721, ĐT.722, ĐT.725, ĐT.729...; đầu tư nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E, mở thêm các tuyến bay nội địa và quốc tế từ Cảng hàng không Liên Khương đi Úc, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Campuchia,...

- Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành đồng bộ đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; triển khai đầu tư tuyến đường cao tốc Đà Lạt - Nha Trang, Đà Lạt - Buôn Mê Thuột; nâng cấp, mở rộng các tuyến Quốc lộ 27C, 28, 55B, đường Trường Sơn Đông nối dài. Phát triển các trục giao thông đối nội theo các hướng

Bắc Nam, Đông Tây, tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ. Ưu tiên đầu tư, hoàn thành các tuyến đường tỉnh ĐT.726, ĐT.727, ĐT.728 và một số tuyến đường vành đai, đường tránh đô thị cần thiết.

b) Hạ tầng đô thị:

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bám sát các nội dung, định hướng tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 22/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, huyện Đức Trọng, Đam Rông và Nghị quyết về đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực cho huyện Di Linh.

- Tập trung nguồn lực triển khai Chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Quản lý và giám sát chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại trung tâm các đô thị. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách riêng về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp theo hướng ưu tiên bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và kỹ thuật diện rộng, hạ tầng số, chú trọng công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện môi trường; xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư, tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ, hiện đại, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ, có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị. Tăng cường khai thác, sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Thực hiện ngầm hóa toàn bộ các đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại trung tâm các đô thị. Triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị; phát huy công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải.

4.2. Phát triển du lịch

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; thu hút đầu tư du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái và bảo vệ môi trường; phát triển đồng bộ Khu du lịch Quốc gia hồ Tuyền Lâm, Đan Kia - Suối Vàng và một số khu du lịch xứng với tầm cỡ quốc gia, hướng đến tầm cỡ khu vực, tạo thương hiệu cho du lịch tỉnh Lâm Đồng.

- Mở rộng không gian du lịch theo quy hoạch được phê duyệt, định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng theo từng cụm du lịch: Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận (*thành phố Đà Lạt, các huyện: Lạc Dương, Đức Trọng, Đam Rông,*

Đơn Dương và Lâm Hà); thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận (*thành phố Bảo Lộc, các huyện: Di Linh và Bảo Lâm*); các huyện phía Nam (*Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên*). Đổi mới, sáng tạo nhiều loại hình dịch vụ du lịch, tạo môi trường, cảnh quan, sản phẩm du lịch đặc thù từng địa phương gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; giữ gìn, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch chất lượng cao, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ, du lịch mới lạ, hấp dẫn. Tăng cường liên kết vùng, gắn các khu du lịch Lâm Đồng với vùng, quốc gia và quốc tế. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật số trong quản lý, kết nối các dịch vụ du lịch, du khách. Phát triển đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên có tính chuyên nghiệp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo như: Du lịch sinh thái gắn với tham quan, văn hóa (*bao gồm văn hóa địa phương, kiến trúc đặc thù, du lịch tâm linh; văn hóa, văn nghệ đường phố, ...*); du lịch nghỉ dưỡng, giải trí; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch canh nông gắn với quảng bá, tiêu thụ nông sản và sản phẩm OCOP của địa phương nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ nghiên cứu và sản xuất sản phẩm tiêu thụ công nghiệp phục vụ du lịch, sản phẩm đặc sản của địa phương.

- Thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hóa dựa trên các lợi thế đặc thù của tỉnh gắn với phát triển du lịch. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phục vụ du lịch; tu bổ, chỉnh trang, khai thác sử dụng hiệu quả danh lam, thắng cảnh; có chiến lược mở rộng và giữ rừng nội ô thành phố Đà Lạt phục vụ du lịch.

- Hoàn thành việc số hóa dữ liệu ngành du lịch Lâm Đồng, ứng dụng công nghệ số trong du lịch; phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp cho khách du lịch tại các địa bàn du lịch trọng điểm; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo và các công nghệ tiên tiến trong xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Phối hợp các địa phương vùng Tây Nguyên và Đông Nam bộ phát triển các tuyến du lịch liên vùng; liên kết các tỉnh, thành phố du lịch trọng điểm để kết nối tour, tuyến, thị trường khách và hợp tác trong các hoạt động xúc tiến, truyền thông. Tập trung khai thác thị trường khách du lịch nội địa truyền thống của tỉnh (*Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ, đồng bằng sông Cửu Long*); từng bước khai thác, mở rộng thị trường khách nội địa từ các tỉnh, thành phía Bắc và miền Trung. Tiếp tục tập trung thu hút khách du lịch quốc tế đến từ các thị trường truyền thống như các nước ASEAN, Đông Bắc Á, Đông Á,... và mở rộng phát triển các thị trường tiềm năng có lượng khách du lịch đến Lâm Đồng hàng năm tăng nhanh.

5. Công tác quy hoạch

- Khẩn trương hoàn thành và đảm bảo chất lượng đồ án quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận phù hợp với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng Tây nguyên.

- Nâng cao chất lượng của công tác lập quy hoạch, các đồ án quy hoạch được lập phải có cách tiếp cận đa ngành, gắn với động lực, tiềm năng từng khu vực, có tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tăng bậc, liên tục, thống

nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch; quy hoạch được lập phải xác định rõ nguồn lực thực hiện, đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa các sản phẩm quy hoạch, tranh thủ ý kiến đóng góp, phản biện xã hội trong lĩnh vực quy hoạch; đề án quy hoạch được lập phải tạo động lực thật sự để phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

6. Giải pháp liên kết vùng

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch vùng Tây nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Nghiên cứu, đề xuất các dự án, đặc biệt là các dự án hạ tầng, giao thông đảm bảo tính liên kết, nhằm nâng cao hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hóa, thiên nhiên và truyền thống lịch sử gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; tạo không gian phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh với các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Nam Trung bộ.

7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

7.1. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của hệ thống chính trị trong xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh. Xác định nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội là trọng yếu, thường xuyên của Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và của toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhân dân, thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đề án sắp xếp, bố trí và nâng cao chất lượng hoạt động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã theo quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ, kịp thời đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Đẩy mạnh công tác đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm công nghệ cao, ma túy, tín dụng đen, tội phạm có tổ chức, góp phần làm trong sạch địa bàn, xây dựng vững chắc thế trận an ninh nhân dân và phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc tại địa phương. Tăng cường biện pháp phòng cháy, chữa cháy, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn,

khắc phục hậu quả thiên tai và biến đổi khí hậu, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông nhất là ở các đô thị. Tập trung xử lý, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo phát sinh ngay tại cơ sở, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thời hạn theo quy định, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài.

7.2. Công tác đối ngoại

- Chú trọng thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng về hội nhập quốc tế. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của chính quyền đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chủ động, tích cực nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Mở rộng, nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại Nhân dân. Làm sâu sắc hơn các quan hệ hợp tác với các địa phương của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (*Champasak, Bolykhamxay, ...*), Vương quốc Campuchia; đảm bảo duy trì thường xuyên mối liên hệ với các tỉnh vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Duyên hải miền Trung.

- Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- Đổi mới hình thức và nội dung công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả, hiệu ứng quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh của địa phương. Tiếp tục tăng cường quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế với các địa phương của các nước phát triển, cơ quan đại diện các nước và tổ chức quốc tế tại Việt Nam; tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, đẩy mạnh thu hút nguồn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực có lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân. Vận động kiều bào ở nước ngoài về đầu tư tại tỉnh nhà.

8. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, bản chất cộng sản, tính chiến đấu, vai trò tiên phong, gương mẫu trong toàn Đảng bộ và mỗi cán bộ, đảng viên. Kiên quyết đấu tranh, phòng, chống và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Quy hoạch, bồi dưỡng đảng viên ưu tú chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp. Sàng lọc, kiên quyết đưa những người không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Cùng cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng.

- Quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và vai trò của người có uy tín trong cộng đồng người dân tộc thiểu số; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hóa cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của nhân dân trong vùng.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng dịch vụ công. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích người đứng đầu kiểm tra, phát hiện, xử lý tham nhũng và cơ chế bảo vệ, khuyến khích người tố cáo, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo ban hành các cơ chế, chính sách phát triển tỉnh Lâm Đồng đảm bảo phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh; chỉ đạo tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với việc thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển tỉnh Lâm Đồng.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình hành động này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- TTTU, TT. HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT - XH, xã hội nghề nghiệp tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT1.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Trần Đức Quận